TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST Ngày 24/9/2024 *V/v "Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc "*Ly hôn, con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Thân Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)
Nơi cư trú:Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang
- Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số C, Trại giam Q
Địa chỉ: thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Thân Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn ngày 26/12/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn xong thì anh chị về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nguyên nhân mâu thuẫn do anh M không có trách nhiệm với gia đình ham chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Hiện nay anh M đang chấp hành án về tội *"Buôn bán tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy"* thời hạn 8,5 năm tại trại giam Q. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Lê Văn M.

-Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn, thì chị có nguyện vọng nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

-Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình

* Bị đơn anh Lê Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn tại UBND xã H năm 2008, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn xong thì anh chị về chung sống với nhau ngay và chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 anh bị bắt và đang phải chấp hành án, trong thời gian chấp hành án thì chị H vẫn lên thăm hỏi và động viên anh chấp hành án. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

-Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị H. Ly hôn, anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

-Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên anh xin vắng mặt khi xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị H được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Thân Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004049 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 09 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Thân Thị H xin ly hôn anh Lê Văn M có nơi cư trú tại thôn N, xã H, huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh M có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh M là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị H và anh Lê Văn M xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy chị H và anh M sau khi về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh M không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân anh M hiện đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số C, Trại giam Q. Chị H xác định không còn tình cảm và xin ly hôn thì anh M đồng ý ly hôn và đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về tài sản, công nợ, anh không yêu cầu xem xét, giải quyết. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng, đời sống chung của chị H và anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Thân Thị H và anh Lê Văn M có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/10/2009. Khi ly hôn chị H xin được nuôi con chung và anh M đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét về điều kiện, thời gian chăm sóc, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung và xét theo nguyện vọng của con chung nên cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004049 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị H được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương L, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Thân Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004049 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hoàng Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự